|  |  |
| --- | --- |
| **(1)** | **PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN** |
| **Câu 1.** | Cách biểu diễn lực tương tác giữa hai điện tích đứng yên nào sau đây là ***sai***? |
| **A.** |  |
| **B.** |   |
| **C.** |   |
| **D.** |  |
| **B1.X.T0** |  |
| **Câu 2.** | Một dòng điện không đổi có cường độ 0,8 A chạy qua cuộn dây của loa phóng thanh có điện trở 8 Ω. Hiệu điện thế giữa hai đầu cuộn dây là |
| **A.** | 0,1 V. |
| **B.** | 5,1 V. |
| **C.** | 6,4 V. |
| **D.** | 10 V. |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 3.** | Công thức tính độ tụ của một thấu kính là |
| **A.** |  |
| **B.** |  |
| **C.** |  |
| **D.** |  |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 4.** | Một vật dao động điều hòa, khi vật đi qua vị trí cân bằng thì |
| **A.** | độ lớn vận tốc cực đại, gia tốc bằng không. |
| **B.** | độ lớn gia tốc cực đại, vận tốc bằng không. |
| **C.** | độ lớn gia tốc cực đại, vận tốc khác không. |
| **D.** | độ lớn gia tốc và vận tốc cực đại. |
| **A2.X.T0** |  |
| **Câu 5.** | Một con lắc đơn chiều dài l dao động điều hòa tại nơi có gia tốc trọng trường g với biên độ góc nhỏ. Tần số của dao động là |
| **A.** | . |
| **B.** | . |
| **C.** | . |
| **D.** | . |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 6.** | Nhận xét nào sau đây là **không** đúng? |
| **A.** | Dao động tắt dần càng nhanh nếu lực cản của môi trường càng lớn. |
| **B.** | Dao động duy trì có chu kỳ bằng chu kỳ dao động riêng của con lắc. |
| **C.** | Dao động cưỡng bức có tần số bằng tần số của ngoại lực cưỡng bức. |
| **D.** | Biên độ của dao động cưỡng bức không phụ thuộc vào tần số lực cưỡng bức. |
| **D4.X.T0** |  |
| **Câu 7.** | Một vật dao động điều hòa với chu kỳ T. Gọi  và  tương ứng là vận tốc cực đại và gia tốc cực đại của vật. Hệ thức liên hệ giữa  và  là |
| **A.** | . |
| **B.** | . |
| **C.** | . |
| **D.** | . |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 8.** | Trong thí nghiệm giao thoa sóng mặt nước, hai nguồn kết hợp cùng pha, dao động theo phương thẳng đứng phát ra hai sóng có cùng bước sóng . Cực tiểu giao thoa nằm tại những điểm có hiệu khoảng cách từ điểm đó đến hai nguồn bằng |
| **A.** |  với  |
| **B.** |  với  |
| **C.** |  với  |
| **D.** |  với  |
| **C2.X.T0** |  |
| **Câu 9.** | Khi có sóng dừng trên một sợi dây đàn hồi, khoảng cách giữa hai bụng liên tiếp bằng |
| **A.** | một phần tư bước sóng. |
| **B.** | một số chẵn lần bước sóng. |
| **C.** | một số lẻ lần bước sóng. |
| **D.** | một nửa bước sóng. |
| **D2.X.T0** |  |
| **Câu 10.** | Trên mặt nước nằm ngang có hai nguồn kết hợp S1 và S2 dao động cùng pha, cùng tần số theo phương thẳng đứng, với cùng biên độ  Coi biên độ sóng không đổi trong quá trình truyền đi. Khi có sự giao thoa sóng đó trên mặt nước thì dao động của phần tử nước tại trung điểm của đoạn S1S2 có biên độ bằng |
| **A.** |  |
| **B.** |  |
| **C.** |  |
| **D.** | 0. |
| **B1.X.T0** |  |
| **Câu 11.** | Điện áp (V) có giá trị hiệu dụng bằng |
| **A.** | 141 V. |
| **B.** | 200 V. |
| **C.** | 100 V. |
| **D.** | 282 V. |
| **A1.X.T0** |  |
| **Câu 12.** | Máy phát điện xoay chiều một pha có p cặp cực, số vòng quay của rôto là n (vòng/phút) thì tần số dòng điện xác định là |
| **A.** |  |
| **B.** |  |
| **C.** |  |
| **D.** |  |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 13.** | Đặt điện áp xoay chiều vào hai đầu một đoạn mạch gồm điện trở R mắc nối tiếp với cuộn cảm thuần có cảm kháng Hệ số công suất của đoạn mạch là |
| **A.** | . |
| **B.** | . |
| **C.** | . |
| **D.** | . |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 14.** | Đặt một điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng không đổi, tần số f thay đổi được vào hai đầu đoạn mạch chỉ tụ điện Khi tăng tần số f thì cường độ dòng điện trong mạch |
| **A.** | tăng. |
| **B.** | tăng rồi giảm. |
| **C.** | giảm. |
| **D.** | giảm rồi tăng. |
| **A1.X.T0** |  |
| **Câu 15.** | Tần số của dao động điện từ trong khung dao động thoả mãn hệ thức nào sau đây? |
| **A.** |  |
| **B.** |  |
| **C.** |  |
| **D.** |  |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 16.** | Mạch dao động điện từ là mạch kín gồm: |
| **A.** | Nguồn điện một chiều và cuộn cảm. |
| **B.** | Tụ điện và cuộn cảm. |
| **C.** | Nguồn điện một chiều và tụ điện. |
| **D.** | Nguồn điện một chiều, tụ điện và cuộn cảm. |
| **B2.X.T0** |  |
| **Câu 17.** | Khi cho ánh sáng trắng đi qua lăng kính thì trên màn quan sát đặt phía sau lăng kính sẽ thu được |
| **A.** | vệt sáng trắng. |
| **B.** | dải màu biến thiên liên tục từ đỏ đến tím. |
| **C.** | các vệt sáng tối xen kẽ nhau. |
| **D.** | vệt sáng đơn sắc màu đỏ. |
| **B2.X.T0** |  |
| **Câu 18.** | Trong chân không, các bức xạ có bước sóng tăng dần theo thứ tự là |
| **A.** | sóng vô tuyến, tia hồng ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia tử ngoại, tia X và tia gamma. |
| **B.** | tia gamma, tia X, tia tử ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia hồng ngoại và sóng vô tuyến. |
| **C.** | tia hồng ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia tử ngoại, tia X, tia gamma và sóng vô tuyến. |
| **D.** | ánh sáng nhìn thấy, tia tử ngoại, tia X, tia gamma, sóng vô tuyến và tia hồng ngoại. |
| **B4.X.T0** |  |
| **Câu 19.** | Quang phổ liên tục |
| **A.** | phụ thuộc vào nhiệt độ của nguồn phát mà không phụ thuộc vào bản chất của nguồn phát. |
| **B.** | phụ thuộc vào bản chất và nhiệt độ của nguồn phát. |
| **C.** | không phụ thuộc vào bản chất và nhiệt độ của nguồn phát. |
| **D.** | phụ thuộc vào bản chất của nguồn phát mà không phụ thuộc vào nhiệt độ của nguồn phát. |
| **A4.X.T0** |  |
| **Câu 20.** | Một kim loại có công thoát electron là  Biết hằng số Plăng là h và tốc độ ánh sáng truyền trong chân không là c. Giới hạn quang điện của kim loại là |
| **A.** | **.** |
| **B.** | **.** |
| **C.** | **.** |
| **D.** | **.** |
| **A1.X.T0** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **(2)** |  |
| **Câu 21.** | Một khung dây hình vuông có cạnh a = 10 cm nằm trong từ trường đều có độ lớn B = 5 T sao cho các đường sức từ vuông góc với mặt phẳng khung dây. Từ thông qua khung dây là |
| **A.** | 0 T. |
| **B.** | 50 T. |
| **C.** | 5 T. |
| **D.** | 0,05 T. |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 22.** | Một vật tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương, có phương trình lần lượt là x1 = 3cos(πt + ) cm và x2 = 4cos(πt + ) cm. Biên độ dao động tổng hợp có giá trị là |
| **A.** | 3 cm |
| **B.** | 7 cm |
| **C.** | 5 cm |
| **D.** | 1 cm |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 23.** | Một vật nhỏ có khối lượng m dao động điều hòa trên trục Ox, mốc thế năng tại vị trí cân bằng. Khi gia tốc của vật có độ lớn bằng một nửa độ lớn gia tốc cực đại thì tỉ số giữa thế năng và động năng là |
| **A.** | . |
| **B.** | 2. |
| **C.** | 3. |
| **D.** | . |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 24.** | Ba âm được phát ra từ ba nguồn âm có đồ thị dao động âm – thời gian được cho như hình vẽ. Sắp xếp theo thứ tự tăng dần của độ cao các âm là |
| **A.** | (2) – (1) – (3). |
| **B.** | (3) – (1) – (2). |
| **C.** | (3) – (2) – (1). |
| **D.** | (2) – (3) – (1). |
| **B1.X.T0** |  |
| **Câu 25.** | Trên một sợi dây đàn hồi dài 1,8 m, hai đầu cố định, đang có sóng dừng với 6 bụng sóng. Biết sóng truyền trên dây có tần số 100 Hz. Tốc độ truyền sóng trên dây là |
| **A.** | 60 m/s. |
| **B.** | 600 m/s. |
| **C.** | 10 m/s. |
| **D.** | 20 m/s. |
| **A1.X.T0** |  |
| **Câu 26.** | Đặt điện áp xoay chiều  vào hai đầu đoạn mạch chỉ có điện trở thuần. Gọi U là điện áp hiệu dụng giữa hai đầu đoạn mạch; i, I0 và I lần lượt là giá trị tức thời, giá trị cực đại và giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện trong đoạn mạch. Hệ thức nào sau đây ***sai***? |
| **A.** | . |
| **B.** | . |
| **C.** | . |
| **D.** | . |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 27.** | Một máy biến thế lý tưởng có tỉ số vòng dây giữa các cuộn sơ cấp N1 và thứ cấp N2 là 3. Nếu cường độ dòng điện và hiệu điện thế hiệu dụng giữa hai đầu cuộn sơ cấp lần lượt là I1 = 6 A và U1 = 120 V thì cường độ dòng điện và hiệu điện thế hiệu dụng giữa hai đầu cuộn thứ cấp lần lượt là |
| **A.** | 2 A và 360 V. |
| **B.** | 18 A và 360 V. |
| **C.** | 2 A và 40 V. |
| **D.** | 18 A và 40 V. |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 28.** | Sóng điện từ của kênh VOV giao thông có tần số 91 MHz, lan truyền trong không khí với tốc độ 3.108 m/s. Quãng đường mà sóng này lan truyền được trong một chu kì sóng là |
| **A.** | 3,3 m. |
| **B.** | 3,0 m. |
| **C.** | 2,7 m. |
| **D.** | 9,1 m. |
| **A1.X.T0** |  |
| **Câu 29.** | Tia X có bước sóng 0,25 nm, so với tia tử ngoại bước sóng 0,3 µm, thì có tần số cao gấp |
| **A.** | 120 lần |
| **B.** | 12000 lần |
| **C.** | 12 lần |
| **D.** | 1200 lần |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 30.** | Một học sinh làm thí nghiệm đo bước sóng ánh sáng bằng thí nghiệm khe Y-âng. Kết quả đo được khoảng cách hai khe sáng là 1,00 ± 0,05 (mm), khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn là 2000 ± 1,54 (mm); khoảng cách 10 vân sáng liên tiếp là 10,80 ± 0,14 (mm). Kết quả đo bước sóng bằng |
| **A.** | 0,600 ± 0,038 (μm). |
| **B.** | 0,540 ± 0,034 (μm). |
| **C.** | 0,540 ± 0,038 (μm). |
| **D.** | 0,600 ± 0,034 (μm). |
| **A2.X.T0** |  |
| **Câu 31.** | Một ngọn đèn ra pha ánh sáng màu đỏ có bước sóng λ = 0,7 µm. Lấy h = 6,625.10-34 Js; c = 3.108 m/s. Hãy xác định năng lượng của phôtôn ánh sáng đó? |
| **A.** | 1,77 MeV. |
| **B.** | 2,84 MeV. |
| **C.** | 1,77 eV. |
| **D.** | 2,84 eV. |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 32.** | Biết các kim loại bạc, đồng, kẽm, nhôm có giới hạn quang điện lần lượt là 0,26µm; 0,30µm; 0,35µm và 0,36µm. Chiếu ánh sáng nhìn thấy lần lượt vào 4 tấm kim loại trên. Hiện tượng quang điện sẽ không xảy ra ở kim loại |
| **A.** | bạc, đồng, kẽm, nhôm. |
| **B.** | bạc, đồng, kẽm. |
| **C.** | bạc, đồng. |
| **D.** | bạc. |
| **A2.X.T0** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **(3)** |  |
| **Câu 33.** | Chất điểm A chuyển động tròn đều trên đường tròn bán kính R. Gọi A’ là hình chiếu của A trên một đường kính của đường tròn này. Tại thời điểm t = 0 ta thấy hai điểm này gặp nhau, đến thời điểm t’ = 1 s ngay sau đó khoảng cách giữa chúng bằng một nửa bán kính. Chu kì dao động điều hòa của A’ là |
| **A.** | 3 s. |
| **B.** | 6 s. |
| **C.** | 4 s. |
| **D.** | 12 s. |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 34.** | Lò xo nhẹ một đầu cố định, đầu còn lại gắn vào sợi dây mềm, không giãn có treo vật nhỏ khối lượng m. Khối lượng dây và sức cản của không khí không đáng kể. Tại t = 0, m đang đứng yên ở vị trí cân bằng thì được truyền vận tốc v0 thẳng đứng từ dưới lên. Sau đó lực căng dây T tác dụng vào m phụ thuộc thời gian theo quy luật được mô tả bởi đồ thị hình vẽ. Biết lúc vật cân bằng lò xò giãn 10 cm và trong quá trình chuyển động m không va chạm với lò xo. Quãng đường m đi được kể từ lúc bắt đầu chuyển động đến thời điểm t2 bằng |
| **A.** | 60 cm. |
| **B.** | 40 cm. |
| **C.** | 65 cm. |
| **D.** | 45 cm. |
| **B1.X.T0** |  |
| **Câu 35.** | Giao thoa sóng ở mặt nước với hai nguồn kết hợp đặt tại A vàHai nguồn dao động điều hòa theo phương thẳng đứng, cùng pha và cùng tần số 10 Hz. Biết AB = 20 cm, tốc độ truyền sóng ở mặt nước là 0,3 m/s. Ở mặt nước, O là trung điểm của AB, gọi Ox là đường thẳng hợp với AB một góc 600. M là điểm trên Ox mà phần tử vật chất tại M dao động với biên độ cực đại (M không trù̀ng với O). Khoảng cách ngắn nhất từ M đến O là |
| **A.** | 2,69 cm. |
| **B.** | 1,72 cm. |
| **C.** | 3,11 cm. |
| **D.** | 1,49 cm. |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 36.** | Tại điểm M trên trục Ox có một nguồn âm điểm phát âm đẳng hướng ra môi trường. Khảo sát mức cường độ âm L tại điểm N trên trục Ox có tọa độ x (m), người ta vẽ được đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của L vào logx như hình vẽ bên. Mức cường độ âm tại điểm N khi x = 32 (m) **gần nhất** với giá trị nào? |
| **A.** | 82 (dB). |
| **B.** | 84 (dB). |
| **C.** | 86 (dB). |
| **D.** | 88 (dB). |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 37.** | Đặt điện áp (V) vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở , cuộn cảm thuần có độ tự cảm  (H) và tụ điện có điện dung  (F). Khi điện áp tức thời giữa hai đầu điện trở bằng (V) thì điện áp tức thời giữa hai đầu cuộn cảm có độ lớn là |
| **A.** | 330 (V). |
| **B.** | (V). |
| **C.** | 440 (V). |
| **D.** | (V). |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 38.** | Cho đoạn mạch xoay chiều mắc nối tiếp có tính cảm kháng gồm một cuộn dây có điện trở thuần  và cảm kháng , tụ điện C và biến trở R. Khi giá trị của biến trở là R và 3,5R thì công suất trên mạch là bằng nhau và bằng 12/13 công suất cực đại khi R thay đổi. Dung kháng của tụ điện có giá trị là |
| **A.** | . |
| **B.** | . |
| **C.** | . |
| **D.** | . |
| **C1.X.T0** |  |
| **Câu 39.** | Cho đoạn mạch điện AB gồm hai đoạn mạch AM và MB mắc nối tiếp nhau. Đoạn AM gồm một điện trở thuần R1 mắc nối tiếp với tụ điện có điện dung C, đoạn mạch MB gồm một điện trở thuần R2 mắc nối tiếp với một cuộn cảm thuần có độ tự cảm L. Đặt điện áp xoay chiều có tần số thỏa mãn  và có giá trị hiệu dụng không đổi vào đoạn mạch AB. Khi đó đoạn mạch AB tiêu thụ công suất P1. Nếu nối tắt hai đầu cuộn cảm thì điện áp hai đầu đoạn mạch AM và MB có cùng giá trị hiệu dụng nhưng lệch pha nhau , công suất tiêu thụ của đoạn mạch AB trong trường hợp này bằng 120 W. Giá trị của P1 là: |
| **A.** | 320 W. |
| **B.** | 240 W. |
| **C.** | 200 W. |
| **D.** | 160 W. |
| **D1.X.T0** |  |
| **Câu 40.** | Các mức năng lượng của các trạng thái dừng của nguyên tử hidro được xác định bằng biểu thức . Nếu nguyên tử hidro hấp thụ một photon có năng lượng 2,55 eV thì bước sóng nhỏ nhất của bức xạ mà nguyên tử hidro đó có thể phát ra là |
| **A.** | 1,56.10-7 m. |
| **B.** | 7,79.10-8 m. |
| **C.** | 4,87.10-8 m. |
| **D.** | 9,74.10-8 m. |
| **D1.X.T0** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| (4) |  |

|  |  |
| --- | --- |
| (TL) | PHẦN II: TỰ LUẬN |
|  |  |